PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 4

Chủ đề: Tìm phân số của một số

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Một rổ táo có tất cả 24 quả. Mẹ lấy ra $\frac{2}{3}$ số táo đó để làm nước ép. Hỏi mẹ đã lấy ra bao nhiêu quả táo?

A. 8 quả táo B. 12 quả táo C. 16 quả táo D. 18 quả táo

Câu 2: Giá trị của $\frac{4}{9}$ của số 72 là:

A. 32 B. 18 C. 36 D. 24

Câu 3: Một cửa hàng có 60kg gạo. Buổi sáng bán được $\frac{3}{4}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

A. 45 kg B. 15 kg C. 20 kg D. 30 kg

Câu 4: Lớp 4A có 35 học sinh, trong đó có $\frac{4}{7}$ số học sinh là nữ. Vậy số học sinh nam của lớp đó là:

A. 20 học sinh B. 15 học sinh C. 25 học sinh D. 10 học sinh

Câu 5: Tìm $\frac{5}{7}$ của 63:

A. 35 B. 45 C. 40 D. 50

Câu 6: Một bao xi măng nặng 50kg. Người thợ xây đã dùng hết $\frac{2}{5}$ bao xi măng đó. Khối lượng xi măng đã dùng là:

A. 10 kg B. 20 kg C. 25 kg D. 15 kg

Câu 7: Đàn chim có 24 con, có $\frac{3}{8}$ số chim bay đi tìm mồi. Số chim còn lại trên cành là:

A. 9 con B. 12 con C. 15 con D. 18 con

Câu 8: Một giờ có 60 phút. Vậy $\frac{7}{12}$ của 1 giờ tương ứng với bao nhiêu phút?

A. 30 phút B. 35 phút C. 40 phút D. 45 phút

Câu 9: Một sân chơi hình chữ nhật có chiều dài 60m. Chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Chiều rộng là:

A. 30 m B. 40 m C. 20 m D. 50 m

Câu 10: Tính $\frac{4}{5}$ của 100 kg gạo:

A. 80 kg B. 60 kg C. 70 kg D. 90 kg

Câu 11: Mẹ có 40 cái kẹo. Mẹ cho Hồng $\frac{1}{4}$ số kẹo và cho Huệ $\frac{2}{5}$ số kẹo. Hỏi ai được nhiều kẹo hơn?

A. Hồng B. Huệ C. Hai bạn bằng nhau D. Không so sánh được

Câu 12: Quyển truyện dài 120 trang. Nam đã đọc được $\frac{5}{6}$ quyển truyện. Số trang Nam chưa đọc là:

A. 100 trang B. 20 trang C. 30 trang D. 40 trang

Câu 13: Biết một thế kỉ có 100 năm. Vậy $\frac{3}{10}$ của một thế kỉ là:

A. 10 năm B. 20 năm C. 30 năm D. 40 năm

Câu 14: Tìm một số x biết rằng x bằng $\frac{2}{9}$ của số 81:

A. x = 18 B. x = 9 C. x = 27 D. x = 36

Câu 15: Một cửa hàng có 1 tạ đường. Buổi sáng bán được $\frac{1}{5}$ số đường đó. Cửa hàng còn lại bao nhiêu kg?

A. 20 kg B. 50 kg C. 80 kg D. 70 kg

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $\frac{5}{6}$ của 54 là: .....

b) $\frac{7}{10}$ của 100 là: .....

c) $\frac{11}{12}$ của 48 là: .....

d) $\frac{3}{5}$ của 150 là: .....

Bài 2: Một cửa hàng hoa quả nhập về 180kg cam sành. Ngày thứ nhất cửa hàng đã bán được $\frac{4}{9}$ số cam đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cam sau ngày bán thứ nhất?

Bài 3: Bác An có một mảnh vườn hình chữ nhật với chiều dài là 40m, chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài. Bác dự định dành $\frac{1}{2}$ diện tích mảnh vườn để trồng hoa hồng. Tính diện tích phần đất bác An dùng để trồng hoa.

Bài 4: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng là 30m, chiều dài bằng $\frac{4}{3}$ chiều rộng. Người chủ đất muốn dùng $\frac{7}{10}$ diện tích mảnh đất đó để trồng rau sạch. Em hãy tính diện tích phần đất trồng rau đó.

Bài 5: Gia đình bác Ba thu hoạch được 1 tạ 2 yến nhãn xuồng. Bác đã đem bán đi $\frac{2}{3}$ số nhãn thu hoạch được với giá bán là 30 000 đồng cho mỗi ki-lô-gam. Hỏi sau khi bán số nhãn đó, bác Ba thu về được bao nhiêu tiền?

Bài 6: Năm nay ông nội của An 72 tuổi. Tuổi của bố An bằng $\frac{5}{9}$ tuổi của ông nội. Tuổi của An lại bằng $\frac{1}{4}$ tuổi của bố An. Hỏi năm nay An bao nhiêu tuổi?